

Số: 2690 /TĐC - HCHQ

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-TTg ngày 04/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

**1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Đồng Nai)**

Địa chỉ: số 1597 Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 01669. 209209 - Fax: 0613548768.

E-mail: [dhcuongudc@gmail.com](mailto:dhcuongudc@gmail.com); [tcmn56@gmail.com](mailto:tcmn56@gmail.com)

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Hóa học, cơ lý, điện - điện tử, vật liệu xây dựng** (đối với các sản phẩm, hàng hóa trong Phụ lục danh mục kèm theo).

2. Số đăng ký: **87/TN - TĐC**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 5 năm kể từ ngày ký. /*ky*

**Nơi nhận:**

- Trung tâm KT TC ĐL CL tỉnh Đồng Nai;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

**KI TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



*Thị Minh Hiệp*



**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA  
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 26-90/TĐC - HCHQ ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
<b>I. Hóa học</b>			
1	<b>Xăng không chì, xăng E5</b>	Xác định trị số octan	TCVN 2703:2013 (ASTM D2699- 06a)
2		Xác định hàm lượng chì	TCVN 7143:2010 (ASTM D 3237-06)
3		Xác định hàm lượng lưu huỳnh	TCVN 7760:2013 (ASTM D 5453-06)
4		Xác định hàm lượng benzen	TCVN 3166 : 2008 (ASTM D 5580 – 02)
5		Xác định hàm lượng hydrocacbon thơm	TCVN 7330:2011 (ASTM D 1319-10)
6		Xác định hàm lượng hydrocacbon	TCVN 7330:2011 (ASTM D 1319-10)
7		Xác định hàm lượng oxy	TCVN 7332:2013 (ASTM D 4815-09)
8		Xác định hàm lượng etanol	TCVN 7332:2013 (ASTM D 4815-09)
9		Xác định hàm lượng kim loại Fe, Mn	TCVN 7331:2008 (ASTM D 3831:06)
10		Xác định hàm lượng nước tự do và tạp chất lơ lửng (kiểm tra bằng mắt thường)	TCVN 7759:2008 (ASTM D 4176-04e <sup>1</sup> )
11	<b>Dầu Diesel, dầu FO, Dầu hỏa</b>	Xác định hàm lượng lưu huỳnh	TCVN 7760:2013 (ASTM D 5453-12)
12		Phương pháp tính toán trị số xêtan	TCVN 3180:2013 (ASTM D 4737-10)
13		Phương pháp xác định thành phần cặn ở áp suất khí quyển	TCVN 2698:2011 (ASTM D 86-10a)
14		Xác định khối lượng riêng	TCVN 6594:2007 (ASTM D 1298-05)
15		Xác định độ nhớt động học	TCVN 3171:2011 (ASTM D 445-11)

Hg

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
16		Xác định hàm lượng nước tự do và tạp chất lơ lửng (kiểm tra bằng mắt thường)	TCVN 7759:2008 (ASTM D 4176-04e <sup>1</sup> )
17		Xác định nhiệt trị	ASTM D 4809-13
18	Phân bón	Xác định độ ẩm	TCVN 5815:2001
19		Xác định hàm lượng Nitơ	
20		Xác định hàm lượng Phốt pho hữu hiệu	
21		Xác định hàm lượng Phốt pho tổng hợp	
22		Xác định hàm lượng Kali hữu hiệu	
23		Xác định hàm lượng Kali tổng hợp	
24	Vàng trang sức, mỹ nghệ	Xác định hàm lượng vàng trang sức, mỹ nghệ bằng phương pháp huỳnh quang tia X	TCVN 7055:2014
25	Thép hợp kim thấp, thép không gỉ	Thành phần hóa học	TCVN 8998:2011 (ASTM E415-08)
<b>II. Cơ lý</b>			
1	Vật liệu kim loại	Xác định chiều dày bằng siêu âm	ASTM E797/E797M-10
2		Độ cứng Rockwell	TCVN 257-1:2007
3		Thử va đập kiểu con lắc Chapry	TCVN 312-1:2007
4		Thử kéo	TCVN 197:2014
5		Thử uốn	TCVN 198:2008
6		Thử uốn lại	TCVN 6287:1997
7		Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại - Thử va đập	TCVN 5402:2010
8		Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
9		Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại - Thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy	TCVN 8311:2010
10	<b>Lớp phủ trên nền từ và không từ</b>	Đo chiều dày lớp phủ Phương pháp từ	TCVN 5878:2007
11		Lớp mạ điện Niken	TCVN 5877:1995
12		Thử lớp phủ Phương pháp phun sương muối	TCVN 5404:2009 TCVN 5405:1991 TCVN 5406:1991 TCVN 5595:1991
13		Độ bám dính của lớp phủ	TCVN 9276 : 2012 TCVN 2097 - 1993
<b>III. Điện - điện tử</b>			
1	<b>Bình đun nước nóng nhanh</b>	Ghi nhãn và hướng dẫn	TCVN 5699-1:2010 IEC 60335-1:2010 TCVN 5699-2-35:2007 (IEC 60335-2-35 :2005)
2		Bảo vệ chống chạm vào các bộ phận mang điện	
3		Công suất vào và dòng điện	
4		Phát nóng	
5		Dòng điện rò và độ bền điện ở nhiệt độ làm việc	
6		Quá điện áp quá độ	TCVN 5699-1:2010 IEC 60335-1:2010 TCVN 5699-2-35:2007 (IEC 60335-2-35 :2005)
7		Khả năng chống ẩm	
8		Dòng điện rò và độ bền điện	
9		Hoạt động không bình thường	
10		Độ bền cơ học	
11		Dây dẫn bên trong	
12		Vít và các mối nối	
13		Khe hở không khí, chiều dài đường rò và cách điện rắn	

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử		
14		Khả năng chịu nhiệt và chịu cháy			
15		Ghi nhãn và hướng dẫn	TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) TCVN 5699-2-21:2007 (IEC 60335-2-21:2004)		
16		Bảo vệ chống chạm vào các bộ phận mang điện			
17		Công suất vào và dòng điện			
18		Phát nóng			
19		Dòng điện rò và độ bền điện ở nhiệt độ làm việc			
20		Quá điện áp quá độ			
21		<b>Bình đun nước nóng có dự trữ</b>		Khả năng chống ẩm	TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) TCVN 5699-2-21:2007 (IEC 60335-2-21:2004)
22				Dòng điện rò và độ bền điện	
23				Hoạt động không bình thường	
24				Độ bền cơ học	
25	Dây dẫn bên trong				
26	Vít và các mối nối				
27	Khe hở không khí, chiều dài đường rò và cách điện rắn				
28	Khả năng chịu nhiệt và chịu cháy				
29	<b>Thiết bị đun chất lỏng</b>	Ghi nhãn và hướng dẫn	TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) TCVN 5699-2-15:2007 (IEC 60335-2-15 :2005)		
30		Bảo vệ chống chạm vào các bộ phận mang điện			
31		Công suất vào và dòng điện			
32		Phát nóng			
33		Dòng điện rò và độ bền điện ở nhiệt độ làm việc			
34		Quá điện áp quá độ			

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
35		Khả năng chống ẩm	TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) TCVN 5699-2-15:2007 (IEC 60335-2-15:2005)
36		Dòng điện rò và độ bền điện	
37		Hoạt động không bình thường	
38		Độ bền cơ học	
39		Dây dẫn bên trong	
40		Vít và các mối nối	
41		Khe hở không khí, chiều dài đường rò và cách điện rắn	
42		Khả năng chịu nhiệt và chịu cháy	
43		Quạt điện	
44	Bảo vệ chống chạm vào các bộ phận mang điện		
45	Quá điện áp quá độ		
46	Khả năng chống ẩm		
47	Dòng điện rò và độ bền điện		
48	Hoạt động không bình thường		
49	Độ bền cơ học - Thử va đập		
50	Dây dẫn bên trong		
51	Vít và các mối nối		
52	Khe hở không khí, chiều dài đường rò và cách điện rắn		
53	Khả năng chịu nhiệt và chịu cháy		
54	Bàn là điện	Ghi nhãn và hướng dẫn	TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) TCVN 5699-2-3:2010 (IEC 60335-2-3 :2008)
55		Bảo vệ chống chạm vào các bộ phận mang điện	

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử	
56		Công suất vào và dòng điện		
57		Phát nóng		
58		Dòng điện rò và độ bền điện ở nhiệt độ làm việc		
59		Quá điện áp quá độ		
60		Khả năng chống ẩm		TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) TCVN 5699-2-3:2010 (IEC 60335-2-3 :2008)
61		Dòng điện rò và độ bền điện		
62		Hoạt động không bình thường		
63		Độ bền cơ học		
64		Dây dẫn bên trong		
65		Vít và các mối nối		
66		Khe hở không khí, chiều dài đường rò và cách điện rắn		
67		Khả năng chịu nhiệt và chịu cháy		
68		<b>Lò vi sóng</b>		
69	Bảo vệ chống chạm vào các bộ phận mang điện			
70	Công suất vào và dòng điện			
71	Phát nóng			
72	Dòng điện rò và độ bền điện ở nhiệt độ làm việc			
73	Quá điện áp quá độ			
74	Khả năng chống ẩm		TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) TCVN 5699-2-25:2007 (IEC 60335-2-25 :2005)	
75	Dòng điện rò và độ bền điện			
76	Hoạt động không bình thường			

kg

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử	
77		Độ bền cơ học		
78		Dây dẫn bên trong		
79		Vít và các mối nối		
80		Khe hở không khí, chiều dài đường rò và cách điện rắn		
81		Khả năng chịu nhiệt và chịu cháy		
82		Lò nướng, lò nướng bánh mỳ và các thiết bị di động tương tự dùng cho nấu ăn		Ghi nhãn và hướng dẫn
83	Bảo vệ chống chạm vào các bộ phận mang điện			
84	Công suất vào và dòng điện			
85	Phát nóng			
86	Dòng điện rò và độ bền điện ở nhiệt độ làm việc			
87	Quá điện áp quá độ			
88	Khả năng chống ẩm		TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) TCVN 5699-2-9:2010 (IEC 60335-2-9:2008)	
89	Dòng điện rò và độ bền điện			
90	Hoạt động không bình thường			
91	Độ bền cơ học			
92	Dây dẫn bên trong			
93	Vít và các mối nối			
94	Khe hở không khí, chiều dài đường rò và cách điện rắn			
95	Khả năng chịu nhiệt và chịu cháy			
96	Que đun điện	Ghi nhãn và hướng dẫn	TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) TCVN 5699-2-74:2010 (IEC 60335-2-74:2009)	
97		Bảo vệ chống chạm vào các bộ phận mang điện		

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử		
98		Công suất vào và dòng điện	TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) TCVN 5699-2-74:2010 (IEC 60335-2-74:2009)		
99		Phát nóng			
100		Dòng điện rò và độ bền điện ở nhiệt độ làm việc			
101		Quá điện áp quá độ			
102		Khả năng chống ẩm			
103		Dòng điện rò và độ bền điện			
104		Hoạt động không bình thường			
105		Độ bền cơ học			
106		Dây dẫn bên trong			
107		Vít và các mối nối			
108		Khe hở không khí, chiều dài đường rò và cách điện rắn			
109		Khả năng chịu nhiệt và chịu cháy			
110		Thiết bị để chăm sóc da hoặc tóc		Ghi nhãn và hướng dẫn	TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) TCVN 5699-2-23:2007 (IEC 60335-2-23:2005)
111				Bảo vệ chống chạm vào các bộ phận mang điện	
112				Công suất vào và dòng điện	
113				Phát nóng	
114				Dòng điện rò và độ bền điện ở nhiệt độ làm việc	
115				Quá điện áp quá độ	
116				Khả năng chống ẩm	
117	Dòng điện rò và độ bền điện				
118	Hoạt động không bình thường				

ky

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
119		Độ bền cơ học	
120		Dây dẫn bên trong	
121		Vít và các mối nối	
122		Khe hở không khí, chiều dài đường rò và cách điện rắn	
123		Khả năng chịu nhiệt và chịu cháy	
124	Hệ thống tiếp địa	Đo điện trở tiếp đất	TCVN 9385:2012

#### IV. Vật liệu xây dựng

1	Gạch, đá ốp lát	Kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2005
2		Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2005
3		Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2005
4		Xác định độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi	TCVN 6415-5:2005
5		Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2005
6		Xác định hệ số dẫn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2005
7		Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9:2005
8		Xác định hệ số dẫn nở ẩm	TCVN 6415-10:2005
9		Xác định độ bền rạn men đối với gạch men	TCVN 6415-11:2005
10		Xác định độ bền hóa học	TCVN 6415-13:2005
11		Xác định độ bền chống bám bẩn	TCVN 6415-14:2005
12		Xác định hệ số ma sát	TCVN 6415-17:2005
13		Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2005

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
14	<b>Cốt liệu bê tông và vữa</b>	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
15		Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
16		Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
17		Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
18		Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
19		Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
20		Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006
21		Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
22	<b>Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng</b>	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993
23		Xác định tách vữa và độ tách nước	TCVN 3109:1993
24		Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
25		Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
26		Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993 TCVN 3116:1993
27		Xác định độ co của bê tông	TCVN 3117:1993
28		Xác định cường độ nén	TCVN 3118:1993
29		Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:1993
30	<b>Đất gia cố bằng chất kết dính</b>	Xác định môđun biến dạng	22 TCN 59:84
31		Xác định cường độ ép chẻ	TCVN 8862:2011
32	<b>Bê tông nhựa</b>	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử	
33		Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011	
34		Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	
35		Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	
36		Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	
37		Xác định độ chảy của nhựa	TCVN 8860-6:2011	
38		Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	
39		Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	
40		Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	
41		Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	
42		Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	
43		Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	
44		Thiết kế theo phương pháp Mashall	TCVN 8820:2011	
45		<b>Nhựa Bitum</b>	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
46			Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
47	Xác định điểm hoá mềm (dụng cụ vòng và bi)		TCVN 7497:2005	
48	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland		TCVN 7498:2005	
49	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt		TCVN 7499:2005	
50	Xác định lượng hòa tan trong tricloretylen		TCVN 7500:2005	
51	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)		TCVN 7501:2005	

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
52		Xác định độ nhớt động	TCVN 7502:2005
53		Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chung cất	TCVN 7503:2005
54		Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
55	<b>Hiện trường</b>	Xác định độ bằng phẳng mặt đường	TCVN 8865:2011
56		Xác định mô đun đàn hồi nền, mặt đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
57		Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu áo đường mềm bằng cần đo vồng Benkelman	TCVN 8867:2011
58		Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
59		Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012
60		Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
61		Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012
62		Xác định cường độ chịu nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
63		Xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát	22 TCN 346:2006
64	<b>Gạch rỗng đất sét nung</b>	Kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1: 2009
65		Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2: 2009
66		Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3: 2009
67		Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4: 2009
68		Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5: 2009

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
69		Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6: 2009
70	<b>Gạch bê tông</b>	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477: 2011
71		Xác định cường độ nén	
72		Xác định độ hút nước	
73		Xác định độ rỗng	
74	<b>Bê tông nhẹ - Gạch bê tông khí chung áp (AAC)</b>	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7959: 2011
75		Xác định cường độ nén	
76		Xác định khối lượng thể tích khô	
77		Xác định độ co khô	
78	<b>Bê tông nhẹ - Gạch bê tông bọt, khí không chung áp</b>	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030: 2011
79		Xác định cường độ nén	
80		Xác định khối lượng thể tích khô	
81		Xác định độ co	

Hg